

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/HSST
Ngày 9- 8- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Văn Hà

+ Bà Huỳnh Thị Thuận

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Châu Nguyễn Xuân Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Minh Quế- Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T (Tên gọi khác: X)- Sinh năm: 1992 tại Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ- sinh năm 1964 và bà Trần Thị H- sinh năm 1965.

Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 5 anh, chị em.

Tiền án: không

Tiền sự:

- Ngày 24/5/2016, Trần Văn T bị TAND huyện Đ, tỉnh BR-VT áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 15/6/2018, Trần Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh BR-VT áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân:

- Ngày 22/9/2009, Trần Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; đã chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2010.

- Ngày 16/01/2012, bị Ủy ban nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi gây rối.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Lê Thị Xuân T2- sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh BR-VT (Có mặt)

2. Ông Hoàng Minh T1- sinh năm 1994

Địa chỉ: 32/2 ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT (Có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Thanh P- sinh năm 1952

Địa chỉ: 32/2 ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT (Có mặt)

2. Ông Lê Quang H- sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BR- VT.

3. Bà Trương Thông M- sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thành phố R, tỉnh BR-VT.

4. Ông Lê Xuân Q- sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện L, tỉnh BR-VT.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Z30D, huyện H, tỉnh Bình T2ận.

5. Ông Trần Hai L- sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 41, số nhà 74 Ô4 khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh BR-VT

6. Ông Trần Thanh H- sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt)

7. Bà Phạm Thúy H- sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 45 đường B, phường P, thành phố R, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người làm chứng:

1. Ông Đào Minh Kiên- sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 11 ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh BR-VT

2. Ông Lê Vĩnh H- sinh năm: 1987

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh BR-VT (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 28-08-2018, Lê Xuân Q điều khiển xe Honda hiệu Vision biển số 72K1- 427.15 chở Trần Văn T đến quán nước mía của chị Lê Thị Xuân T2 để uống nước. Đến 13 giờ cùng ngày, Q nhìn thấy chị T2 nằm vồng sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung A6 (màu vàng đen) nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Q nói T ra lấy xe đứng ngoài đường chờ sẵn thì T đồng ý. Sau đó, Q ra sau rửa mặt, khi đi ngang qua chỗ chị T2 đang nằm, Q dùng tay

phải giật điện thoại của chị T2 rồi chạy ra xe của T đang chờ bên ngoài để tẩu thoát nhưng xe không nổ máy nên chị T2 chạy đến chặn đầu xe lấy chìa khóa rồi quay vào trong quán. Q liền chạy vào chỗ chị T2 để lấy lại chìa khóa, khi hai bên đang giằng co thì T bất ngờ dùng bình xịt hơi cay xịt vào phía chị T2. Chị T2 liền tri hô “cướp, cướp” thì Q trả điện thoại cho chị T rồi bỏ chạy. Tuy nhiên, sau đó Q bị bắt giữ, truy tố và Tòa án nhân dân huyện Đ đã xét xử sơ thẩm về hành vi nêu trên cùng với một hành vi cướp giật khác do Q tự thực hiện với mức hình phạt là 3 năm 6 tháng tù theo bản án có hiệu lực số 43/2018/HSST ngày 29/11/2018. T chạy thoát đến ngày 15/01/2018 Cơ quan CSĐT bắt được. Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tiếp theo, vào khoảng 10 giờ ngày 28-10-2018, T điều khiển xe Airblade màu trắng biển số 72K1-290.74 đến quán cà phê Suối Tre tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu để uống nước. Tại đây, Lê Quang H hỏi mượn của Hoàng Minh T1 01 xe Honda hiệu Winner màu đen nhám, biển số 72H1-259.66 để T và H cùng đi bán gà đá. T1 đồng ý nên đưa chìa khóa xe cho T. T để lại xe Airblade của mình ở quán rồi điều khiển xe Winner chở H đi đến vòng xoay xã P, huyện L thì nói H xuống xe ngồi đợi để T đi đưa chìa khóa cho bạn rồi quay lại đón. H ngồi chờ khoảng 2 tiếng đồng hồ nhưng không thấy bạn đến đón nên bỏ về. Trần Văn T sử dụng xe Winner khoảng 01 tháng, sau đó nhờ bạn tên D (không rõ nhân thân, lai lịch) bán được 15.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 50/KLDGTS-HĐĐG ngày 04/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 xe Honda hiệu Winner màu đen nhám, biển số 72H1-259.66 trị giá 36.890.000 đồng.

Về thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6, cơ quan CSĐT công an huyện Đ ra quyết định trả lại cho chị Lê Thị Xuân T2.

- 01 xe máy Honda hiệu Vision biển số 72K1- 427.15 đã được giải quyết tại bản án số 43/2018/HSST ngày 29/11/2018 của TAND huyện Đ, tỉnh BR-VT.

- 01 xe Airblade màu trắng biển số 72K1-290.74 , Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để lưu giữ chờ xử lý.

Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội như sau:

Về tội danh và hình phạt: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều

171 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T từ 2 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho hai tội từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại và người liên quan về số tiền bồi thường thiệt hại cụ thể: bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm bồi thường cho ông Hoàng Thanh P số tiền 36.890.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 hoàn trả cho bà M 01 xe hiệu Airblade màu trắng biển số 72K1-290.74.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, thống nhất với bản luận tội, không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát. Bị cáo đồng ý bồi thường giá trị bằng tiền của chiếc xe Winner biển số 72H1-259.66 đã chiếm đoạt cho ông P theo giá Hội đồng định giá là 36.890.000 đồng.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phát biểu:

- Bà Lê Thị Xuân T2 xác định đã nhận lại đủ tài sản, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự; về trách nhiệm hình sự thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật;

- Ông Hoàng Minh T1 trình bày: Do có mối quan hệ bạn bè với nhau nên T1 đã tin tưởng cho bị cáo và Lê Quang H mượn chiếc xe Honda hiệu Winner, biển số 72H1-259.66 của cha là ông Hoàng Thanh P. Sau đó, bị cáo đã chiếm đoạt và bán cho người khác, không thể thu hồi được xe. Nay, T1 đồng ý để bị cáo bồi thường cho ông P giá trị chiếc xe theo giá Hội đồng định giá đã định như nêu trên. Về trách nhiệm hình sự thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật

- Ông Hoàng Thanh P đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận, buộc bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe đã chiếm đoạt cho ông là 36.890.000 đồng.

- Ông Lê Quang H xác định xe Winner, biển số 72H1-259.66 là do H và bị cáo cùng mượn nhưng bị cáo đã tự chiếm đoạt, sau đó đem bán, H hoàn toàn không biết và cũng không được chia tiền. Nay, bị cáo đã đồng ý bồi thường cho ông P thì thống nhất, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là sai, bị cáo thấy hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và công nhận cáo trạng truy tố đúng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Từ đó, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định vụ án như sau:

2.1. Về hành vi cướp giật tài sản:

Vào khoảng 13 giờ ngày 28-8-2018, tại quán nước mía của chị Lê Thị Xuân T2 thuộc ấp P, xã H, huyện Đ, Lê Xuân Q đã có hành vi công khai giật 01 chiếc điện thoại di động Samsung A6 trị giá 4.200.000đồng của chị T2 rồi nhanh chóng chạy ra xe chỗ Trần Văn T đang chờ sẵn để tẩu thoát. Nhân lúc xe chưa kịp nổ máy, chị T2 chạy ra, rút chìa khóa trên xe của bị cáo rồi chạy vào trong quán. Q đuổi theo chị T2 để giật lại chìa khóa, khi hai bên đang giằng co thì bị cáo bất ngờ dùng bình xịt hơi cay xịt vào người chị T2 để lấy chìa khóa tẩu thoát. Như vậy, hành vi phạm tội của Trần Văn T như nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015.

2.2. Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Vào khoảng 10 giờ ngày 28-10-2018, tại quán café Suối Tre tọa lạc thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, Lê Quang H hỏi mượn của Hoàng Minh T1 01 xe Honda hiệu Winner màu đen nhám, biển số 72H1-259.66 để T và H cùng đi bán gà đá. T1 đồng ý nên đưa chìa khóa xe cho T. T để lại xe Airblade của mình ở quán rồi điều khiển xe Winner chở H đi đến vòng xoay thuộc xã P, huyện L thì cho H xuống xe rồi bỏ đi. Sau khi sử dụng xe được khoảng 1 tháng thì bị cáo đã nhờ một người tên D (không rõ lai lịch) bán với giá 15.000.000đồng để lấy tiền tiêu xài. Xét, mặc dù H là người hỏi T1 để mượn xe nhưng nói rõ mục đích mượn là để cả hai cùng sử dụng đi bán gà, lý do mượn vì xe Airblade của bị cáo gần hết xăng và chạy chậm. Khi T1 đồng ý cho mượn, T1 đã trực tiếp đưa chìa khóa xe cho T để T chở H đi. Như vậy, về ý thức chủ quan thì T và H cùng mượn xe của T1. Hành vi bị cáo mượn tài sản là chiếc xe Winner của bị hại T1 rồi sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài đã đủ yếu tố cấu thành tội

“*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của những bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là thanh niên trưởng thành, đang ở độ tuổi lao động nhưng lại rơi vào con đường nghiện ma túy, vào các năm 2016, 2018, bị cáo đã bị đưa đi cai nghiện bắt buộc nhưng khi trở về không tu dưỡng bản thân, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà còn tiếp tục phạm tội. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, vào năm 2009 bị Tòa án xét xử về tội “*Cướp giật tài sản*” và năm 2012 bị UBND huyện Đ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục do có hành vi gây rối. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho T1 xã hội.

[4] *Xét về vai trò của bị cáo trong vụ án “Cướp giật tài sản”:*

Trong vụ án này, bị cáo và Lê Xuân Q không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xét về vai trò từng người thì thấy rằng: Lê Xuân Q là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp giật tài sản của bị hại; bị cáo tham gia với vai trò giúp sức tích cực (ngồi trên xe chờ sẵn để khi Q giật được tài sản thì nhanh chóng chở đi bỏ chạy) đồng thời là người trực tiếp dùng bình xịt hơi cay hành hung bị hại để lấy chìa khóa tẩu thoát thuộc tình tiết định khung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội cướp giật, bị cáo đã cố ý bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan Công an điều tra đồng thời lại tiếp tục phạm tội mới. Do đó, cần xem xét mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

5.1. Về tình tiết tăng nặng: Không có

5.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

Tại phiên tòa, Trần Văn T, Hoàng Minh T1, Hoàng Thanh P và Lê Quang H thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm dân sự theo đó bị cáo đồng ý bồi thường cho ông P số tiền là 36.890.000đồng. Xét đây là sự tự nguyện của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] *Về xử lý vật chứng vụ án:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người liên quan khai phù hợp với nhau theo đó xác định được rằng: Chiếc xe máy hiệu Airblade màu trắng biển số 72K1-290.74 do Trần Hai L đang đứng tên chủ sở hữu. Vào khoảng năm 2015, ông L đã bán xe nêu trên cho Trần Thanh H; sau đó, ông H bán lại cho cửa hàng xe máy của bà Phạm Thúy H và bà H đã bán lại cho bà Dương Thông M. Bà M cho bị cáo T mượn để sử dụng. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả cho bà M là chủ quản lý hợp pháp chiếc xe máy này là phù hợp.

[9] *Về các vấn đề khác*: Đối với Lê Xuân Q đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm theo bản án có hiệu lực số 43/2018/HSST ngày 29/11/2018 nên không xem xét gì thêm. Đối với người tên D, do không đầy đủ và rõ ràng về thông tin nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

[10] *Về án phí*: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.844.500đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T (Tên gọi khác: X) phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (Hai) năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”;

1.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (Hai) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn T chấp hành hình phạt chung của hai tội nêu trên là 4 (Bốn) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/01/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau: Bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm bồi thường cho ông Hoàng Thanh P số tiền 36.890.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Hoàn trả cho bà Trương Thông M 01 (Một) chiếc xe máy hiệu Airblade màu trắng biển số 72K1-290.74 (số khung: LHJF4618EY468674; SM: JF46E5142622).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 35/BB ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 1.844.500đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T2ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- PV27- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyên

xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; nhân thân bị cáo bị xét xử về tội trộm cắp từ năm 2011, đã được xóa án tích, xét bị cáo phạm tội do bột phát nhất thời, tích chất, mức độ phạm tội mới T2ộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là phụ nữ có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang phải trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhỏ, có 01 con dưới 36 tháng tuổi. Bị cáo nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xem xét cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và để bị cáo có điều kiện nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử